

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/KDTM-ST

Ngày: 06/5/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Cao Kim Triều

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tổ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2016/KTST ngày 24 tháng 3 năm 2016, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 765/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 1176/2019/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Liên doanh V.

Địa chỉ: 01 phố Y, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1988 (Giấy ủy quyền số 725/QĐ-VRB.HCM ngày 21 tháng 8 năm 2018).

Địa chỉ: Tòa nhà B NK, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: Số 27A Đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Kiều Đăng K, sinh năm 1972 là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 60 Đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2016, các bản khai tiếp theo và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 06/5/2019, ông Nguyễn Xuân S là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/4/2014, Ngân hàng Liên doanh V (Nguyên đơn) và Công ty TNHH T (Bị đơn) đã thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 68/2014/HĐTDHM, cho vay số tiền tối đa là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) với mục đích vay là phát hành thư bảo lãnh và cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày 18/4/2014, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể tối đa không quá 06 tháng, lãi suất trong hạn được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) nêu tại Hợp đồng tín dụng cụ thể tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Đến ngày 12/8/2014, hai bên ký tiếp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 183/2014/HĐTDHM, theo đó thoả thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền tối đa là 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), bao gồm dư nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 68/2014/HĐTDHM ngày 18/4/2014 là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*), thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày ký hạn mức tín dụng, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể tối đa không quá 04 tháng, lãi suất trong hạn được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) nêu tại Hợp đồng tín dụng cụ thể tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hai bên cũng ký kết các Hợp đồng cầm cố tài sản của bị đơn có tổng giá trị 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) để bảo đảm cho khoản vay, cụ thể:

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 70/2014/HĐCC ngày 18/4/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 17042014/DVKH-VRBHCM ngày 17/4/2014 số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,9%/năm;

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 27/2014/HĐCC ngày 23/4/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 23042014/DVKH-VRBHCM ngày 23/4/2014 số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,9%/năm;

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 30/2014/HĐCC ngày 29/4/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 29042014/DVKH-VRBHCM số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,9%/năm;

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 32/2014/HĐCC ngày 07/5/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07052014/DVKH-VRBHCM số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,9%/năm;

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 35/2014/HĐCC ngày 12/5/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 12052014/DVKH-VRBHCM số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,9%/năm;

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 70/2014/HĐCC ngày 12/8/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 11082014/DVKH-VRBHCM số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,7%/năm;

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 71/2014/HĐCC ngày 13/8/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 13082014/DVKH-VRBHCM số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,7%/năm;

- Hợp đồng cầm cố tài sản số 73/2014/HĐCC ngày 15/8/2014, cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 14082014/DVKH-VRBHCM số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,7%/năm.

Theo đó, Nguyên đơn đã giải ngân cho Bị đơn vay tổng số tiền là 10.014.271.364 đồng (*Mười tỷ không trăm mười bốn triệu hai trăm bảy mươi một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*) với lãi suất trong hạn cố định 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, cụ thể từng hợp đồng và thời hạn vay như sau:

1. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 061/2015/HĐTD ngày 16/4/2015, số tiền 633.291.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng*), thời hạn 06 tháng;

2. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 065/2015/HĐTD ngày 17/4/2015, số tiền 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*), thời hạn 06 tháng;

3. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 067/2015/HĐTD ngày 20/4/2015, số tiền 1.035.316.003 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu ba trăm mười sáu nghìn ba đồng*), thời hạn 06 tháng;

4. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 068/2015/HĐTD ngày 24/4/2015, số tiền 1.104.735.000 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), thời hạn 06 tháng;

5. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 072/2015/HĐTD ngày 24/4/2015, số tiền 1.228.620.807 đồng (*Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm lẻ bảy đồng*), thời hạn 06 tháng;

6. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 074/2015/HĐTD ngày 25/4/2015, số tiền 765.000.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng*), thời hạn 04 tháng;

7. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 074/2015/HĐTD ngày 25/4/2015, số tiền 765.862.200 đồng (*Bảy trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm đồng*), thời hạn 04 tháng;

8. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 075/2015/HĐTD ngày 25/4/2015, số tiền 765.000.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng*), thời hạn 04 tháng;

9. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 083/2015/HĐTD ngày 14/5/2015, số tiền 557.829.996 đồng (*Năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*), thời hạn 04 tháng;

10. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 084/2015/HĐTD ngày 15/5/2015, số tiền 504.336.000 (*Năm trăm lẻ bốn triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng*), thời hạn 04 tháng;

11. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 094/2015/HĐTD ngày 20/5/2015, số tiền 378.514.797 đồng (*Ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng*), thời hạn 04 tháng;

12. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 216/2015/HĐTD ngày 28/7/2015, số tiền 1.645.765.561 đồng (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi một đồng*), thời hạn 04 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, nguyên đơn đã liên lạc, yêu cầu nhưng bị đơn không thanh toán nợ đúng thỏa thuận nên đã thông báo thu hồi nợ. Ngày 18/9/2015, nguyên đơn tiến hành tất toán các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là tài sản cầm cố thu được tổng cộng số tiền là 5.346.378.252 đồng, trong đó thu nợ gốc là 5.346.000.000 đồng, thu nợ lãi là 378.252 đồng; số tiền dư nợ vay còn lại là 4.811.621.453 đồng, bao gồm nợ gốc là 4.654.000.000 đồng, nợ lãi là 157.621.453 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền nợ gốc là 4.654.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cụ thể cho đến khi thanh toán hết nợ, tính đến ngày 06/5/2019, số tiền nợ lãi tổng cộng là 2.445.610.777 đồng (lãi trong hạn: 138.986.184 đồng; lãi quá hạn: 2.306.624.593 đồng).

Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là Công ty TNHH T, có bà Nguyễn Kiều Đăng K là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 183/2014/HĐTDHM ngày 12/8/2014 thể hiện sự đồng ý của nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, hạn mức tín dụng tối đa: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*). Bị đơn sử dụng tài sản cầm cố để bảo đảm cho khoản vay là các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tổng giá trị là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) tại Ngân hàng nguyên đơn để đảm bảo cho các khoản vay của mình gồm:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 17042014/DVKH-VRBHCMN
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 23042014/DVKH-VRBHCMN
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 29042014/DVKH-VRBHCMN
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07052014/DVKH-VRBHCMN

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 12052014/DVKH-VRBHCMN
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 11082014/DVKH-VRBHCMN
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 13082014/DVKH-VRBHCMN
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 14082014/DVKH-VRBHCMN

Quá trình vay, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn. Đến ngày 18/9/2015, nguyên đơn đã tiến hành tắt toán các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên để thu nợ vay quá hạn. Căn cứ bảng tính chi tiết quá trình vay của bị đơn đến ngày 06/5/2019 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định, bị đơn là Công ty TNHH T còn nợ nguyên đơn với số tiền dư nợ và lãi vay cụ thể: Nợ gốc là 4.654.000.000 đồng; Nợ lãi là 2.445.610.777 đồng (lãi trong hạn: 138.986.184 đồng; lãi quá hạn: 2.306.624.593 đồng). Tổng cộng là 7.099.610.777 đồng (*Bảy tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*). Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 07/5/2019 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt điểm toàn bộ nợ vay nói trên.

Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp các chứng cứ, văn bản về quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 “...Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Do đến thời hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền vốn và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét, đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai bên đương sự là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại 27A Đường T, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp mã số 0303239012, thay đổi lần thứ 12 ngày 22/9/2015 nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 18/5/2016; của Công an phường T, Quận M ngày 27/5/2016 và ngày 06/6/2016, xác định bị đơn vẫn đăng ký trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 27A Đường T, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh, chưa đăng ký giải thể nhưng thực tế không còn hoạt động tại địa chỉ này; Bà Nguyễn Kiều Đăng K là người đại diện theo pháp luật của bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 60 Đường T, phường T, Quận M nhưng không cư trú tại đây từ trước năm 2013 đến nay, ở đâu không rõ. Bị đơn và người đại diện pháp luật của bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án, triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cầm cố tài sản là các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể nêu trên được ký kết giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Kiều Đăng K là người đại diện theo pháp luật của bị đơn có cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2015 đến ngày 28/7/2015 nguyên đơn đã giải ngân nhiều lần theo từng hồ sơ đề nghị vay vốn cụ thể của bị đơn tổng cộng số tiền là: 10.014.271.364 đồng (*Mười tỷ không trăm mười bốn triệu hai trăm bảy mươi một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*), với lãi suất trong hạn cố định 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và thời hạn vay của từng hợp đồng tín dụng cụ thể là 04 tháng hoặc 06 tháng. Việc vay vốn của từng Hợp đồng vay vốn cụ thể được hai bên thực hiện đúng thỏa thuận về rút vốn trong 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức. Bị đơn có cầm cố tài sản để bảo đảm cho các khoản vay là các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có tổng giá trị tài sản là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*). Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn không thanh toán các khoản vay theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cụ thể và Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 18/9/2015, nguyên đơn đã xử lý tài sản cầm cố, tất toán các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để thu hồi các khoản nợ vay đến hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại khoản 1 Điều 8 của các Hợp đồng cầm cố tài sản. Tổng số tiền thu nợ là 5.346.378.252 đồng, trong đó thu nợ gốc là 5.346.000.000 đồng, thu nợ lãi là 378.252 đồng. Tổng dư nợ vay còn lại là 4.811.621.453 đồng, gồm nợ gốc: 4.654.000.000 đồng, nợ lãi: 157.621.453 đồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, căn cứ kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng pháp lý, về địa chỉ cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, Toà án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn, người đại diện pháp luật của bị đơn tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng họ vắng mặt được xem là họ đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án, bảng tính lãi chi tiết từng khoản vay của bị đơn tính đến ngày 06/5/2019 được nguyên đơn cung cấp kèm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền

nợ gốc là 4.654.000.000 đồng và tiền lãi là 2.445.610.777 đồng (gồm lãi trong hạn: 138.986.184 đồng; lãi quá hạn: 2.306.624.593 đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ là có cơ sở.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền dư nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 7.099.610.777 đồng (*Bảy tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, vụ án được thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng mức án phí theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng Liên doanh V số tiền nợ gốc 4.654.000.000 đồng và tiền lãi 2.445.610.777 đồng. Tổng cộng là 7.099.610.777 đồng (*Bảy tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng cụ thể mà các bên đã ký kết tính từ ngày 07/5/2019 cho đến khi Công ty TNHH T thanh toán hết nợ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.099.611 đồng (*Một trăm mười lăm triệu không trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười một đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng Liên doanh V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 56.550.666 đồng (*Năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0003635 ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ánh